

**BỘ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ
QUỸ PHÁT TRIỂN
DOANH NGHIỆP NHỎ VÀ VỪA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: 109/QDNNVV-KH&CS

Hà Nội, ngày 27 tháng 5 năm 2016

V/v sửa đổi, bổ sung nội dung các chương trình hỗ trợ tài chính năm 2016 của Quỹ Phát triển DNNVV

| | |
|------------------------------|-----------------|
| BQL KHU KINH TẾ TỈNH LONG AN | |
| ĐẾN | Số: 5493 |
| | Ngày: 27/5/2016 |
| Chuyển: | |

- Kính gửi: - Sở KH&ĐT các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Các hiệp hội doanh nghiệp, ngành nghề (Danh sách kèm theo);
- Các Ban quản lý KCN, KKT, KTCK (Danh sách kèm theo);
- Các cơ quan báo chí, truyền hình (Danh sách kèm theo).

Quỹ Phát triển doanh nghiệp nhỏ và vừa gửi lời chào trân trọng và cảm ơn tới Quý cơ quan đã quan tâm, hợp tác với Quỹ trong thời gian qua.

Ngày 31/5/2016, Quỹ Phát triển doanh nghiệp nhỏ và vừa đã ban hành các chương trình hỗ trợ tài chính đối với doanh nghiệp nhỏ và vừa (DNNVV) thông qua các Ngân hàng nhận ủy thác của Quỹ trong năm 2016 kèm theo công văn số 38/QDNNVV-KH&CS.

Qua thời gian thực hiện, Quỹ có nhận được một số góp ý về các chương trình hỗ trợ của Quỹ, để hỗ trợ tốt hơn nữa cho DNNVV, Quỹ thực hiện sửa đổi, bổ sung một số nội dung tại các chương trình hỗ trợ tài chính năm 2016 của Quỹ như: mở rộng phạm vi, ngành nghề hỗ trợ DNNVV; hướng dẫn chi tiết mã ngành; điều chỉnh hạn mức chương trình,... (Danh mục các chương trình kèm theo công văn này).

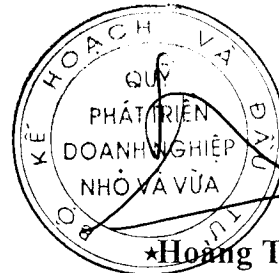
Quỹ Phát triển doanh nghiệp nhỏ và vừa xin thông báo để Quý Cơ quan được biết. Đề nghị Quý Cơ quan phối hợp với Quỹ Phát triển doanh nghiệp nhỏ và vừa để phổ biến thông tin về các chương trình hỗ trợ đến DNNVV và tổ chức triển khai chương trình có hiệu quả.

Xin trân trọng cảm ơn sự quan tâm, hợp tác của Quý Cơ quan./.

Nơi nhận:

- Như trên (kèm theo Danh mục và Phụ lục);
- Hội đồng quản lý Quỹ (để b/c);
- Lưu: VP, NVUT, KH&CS, GSRR

GIÁM ĐỐC



Hoàng Thị Hồng

CÁC CHƯƠNG TRÌNH HỖ TRỢ TÀI CHÍNH NĂM 2016 CHO DNNVV
(Kèm theo Công văn số 109/QDNNVV-KH&CS ngày 27/9/2016 của Quỹ PT DNNVV)

I. CHÍNH SÁCH ƯU ĐÃI CHUNG CỦA CÁC CHƯƠNG TRÌNH

| Chính sách ưu đãi | |
|---|--|
| Mục đích vay vốn | Đầu tư cơ bản |
| Đồng tiền cho vay | VND |
| Mức cho vay tối đa | 70% tổng mức vốn đầu tư hợp lý của dự án, phương án sản xuất – kinh doanh (Quỹ không cho vay vốn lưu động), định mức tối đa tùy theo từng chương trình |
| Thời hạn vay | 07 năm |
| Lãi suất | Lãi suất cố định trong suốt thời hạn vay vốn là 7%/năm. |
| Tài sản bảo đảm | Ngân hàng nhận ủy thác không được yêu cầu tài sản bảo đảm vượt quá 100% giá trị khoản vay và DNNVV có thể sử dụng tài sản hình thành từ vốn vay làm tài sản bảo đảm cho khoản vay. |
| Phương thức trả nợ | Đa dạng, phù hợp với dòng tiền của DNNVV. |
| Trả nợ trước hạn | DNNVV được chủ động trả nợ trước hạn và được miễn phí trả nợ trước hạn. |
| Hỗ trợ tín dụng từ Ngân hàng nhận ủy thác | Ngân hàng cho vay phần còn lại trong tổng mức đầu tư của dự án vay vốn. Ngân hàng cam kết áp dụng mức lãi suất ưu đãi đối với DNNVV của Ngân hàng trong từng thời kỳ. |
| Hỗ trợ khác từ Ngân hàng nhận ủy thác | DNNVV được sử dụng các sản phẩm, dịch vụ ưu đãi khác của Ngân hàng kèm theo chương trình này nhằm nâng cao hiệu quả khoản vay. |
| Hỗ trợ sau vay vốn | DNNVV được tham gia vào các chương trình hỗ trợ tăng cường năng lực do Quỹ tổ chức. |



II. NỘI DUNG CỤ THỂ CỦA CHƯƠNG TRÌNH:

1. Chương trình hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa đổi mới sáng tạo

Với mục tiêu khuyến khích khởi nghiệp sáng tạo và thúc đẩy đổi mới sáng tạo trong DNNVV, theo tinh thần Nghị quyết số 35/NQ-CP ngày 16/05/2016 của Chính phủ, Quỹ Phát triển doanh nghiệp nhỏ và vừa và các Ngân hàng nhận ủy thác triển khai chương trình “**Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa đổi mới sáng tạo**”

1.1 Hạn mức chương trình: 100 tỷ

Sau mỗi lần giải ngân, tổng hạn mức chương trình sẽ được giảm tương ứng.

1.2 Thời gian ân hạn trả gốc: Tối đa 24 tháng

1.3 Mức cho vay tối đa: 10 tỷ

1.4 Đối tượng hỗ trợ: DNNVV đáp ứng được các tiêu chí sau:

a) Tiêu chí bắt buộc quy định tại Điều 6, Thông tư số 13/2015/TT-BKHĐT ngày 28/10/2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư ban hành Danh mục lĩnh vực ưu tiên hỗ trợ và tiêu chí lựa chọn đối tượng ưu tiên hỗ trợ của Quỹ phát triển doanh nghiệp nhỏ và vừa; và

b) Các tiêu chí về đổi mới sáng tạo sau đây:

- Được hỗ trợ, tài trợ, đầu tư từ bất kỳ quỹ, chương trình, dự án nào của Chính phủ Việt Nam hoặc Chính phủ nước ngoài có mục tiêu hỗ trợ, thúc đẩy đổi mới sáng tạo; hoặc

- Được hỗ trợ, tài trợ, đầu tư từ bất kỳ cơ sở ươm tạo thúc đẩy doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo, Quỹ Đầu tư mạo hiểm, Nhà đầu tư thiên thần; hoặc

- Được giải ba trở lên từ bất kỳ cuộc thi cho khởi nghiệp nào được tổ chức bởi các cơ quan Chính phủ, các tổ chức đại diện doanh nghiệp cấp quốc gia; hoặc

- Được cấp giấy Chứng nhận doanh nghiệp Khoa học và công nghệ, Doanh nghiệp công nghệ cao, Doanh nghiệp được Nhà nước giao quyền sở hữu, sử dụng kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ sử dụng ngân sách Nhà nước; hoặc

- Có giải pháp kỹ thuật được cấp bằng độc quyền sáng chế hoặc bằng độc quyền giải pháp hữu ích trong lĩnh vực liên quan đến các ngành kinh doanh của doanh nghiệp; hoặc

- Được nhận chuyển giao công nghệ trong nước và từ nước ngoài thuộc Danh mục công nghệ khuyến khích chuyển giao do Thủ tướng/ Chính phủ ban hành từng thời kỳ và có chứng nhận hợp đồng chuyển giao công nghệ.

c) Có Dự án/ Phương án sản xuất - kinh doanh vay vốn để thực hiện đầu tư cơ bản phục vụ sản xuất.

2. Chương trình hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa trong lĩnh vực Nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản

Với mục tiêu tăng cường hiệu quả hoạt động của các doanh nghiệp nhỏ và vừa trong ngành nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản, Quỹ Phát triển doanh nghiệp nhỏ và vừa và các Ngân hàng nhận ủy thác triển khai chương trình “**Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa lĩnh vực Nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản**”.

2.1 Hạn mức chương trình: 180 tỷ

Sau mỗi lần giải ngân, tổng hạn mức chương trình sẽ được giảm tương ứng.

2.2 Thời gian ân hạn trả gốc: Tối đa 18 tháng

2.3 Mức cho vay tối đa: 20 tỷ

CH
Q
HÁT
ANH
HỒ

2.4 Đối tượng hỗ trợ

DNNVV hoạt động trên thời gian 2 năm kể từ thời điểm đăng ký kinh doanh, đáp ứng được các tiêu chí bắt buộc quy định tại Điều 6, Thông tư số 13/2015/TT-BKHĐT ngày 28/10/2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư ban hành Danh mục lĩnh vực ưu tiên hỗ trợ và tiêu chí lựa chọn đối tượng ưu tiên hỗ trợ của Quỹ phát triển doanh nghiệp nhỏ và vừa; và có Dự án/ Phương án sản xuất - kinh doanh vay vốn để thực hiện đầu tư cơ bản phục vụ sản xuất.

Dự án, phương án sản xuất kinh doanh thuộc mã ngành 01 (ngoại trừ 017), 02, 03 (theo Quyết định số 10/2007/QĐ-TTg ngày 23/01/2007 của Thủ tướng Chính phủ).

3. Chương trình hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa trong lĩnh vực Công nghiệp chế biến, chế tạo

Với mục tiêu tăng cường hiệu quả hoạt động của các doanh nghiệp nhỏ và vừa ngành Công nghiệp chế biến, chế tạo; Quỹ Phát triển doanh nghiệp nhỏ và vừa và các Ngân hàng nhận ủy thác triển khai chương trình “**Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa lĩnh vực Công nghiệp chế biến, chế tạo**”

3.1 Hạn mức chương trình: 180 tỷ

Sau mỗi lần giải ngân, tổng hạn mức chương trình sẽ được giảm tương ứng.

3.2 Thời gian ân hạn trả gốc: Tối đa 18 tháng

3.3 Mức cho vay tối đa: 25 tỷ

3.4 Đối tượng hỗ trợ

DNNVV hoạt động trên thời gian 2 năm kể từ thời điểm đăng ký kinh doanh, đáp ứng được các tiêu chí bắt buộc quy định tại Điều 6, Thông tư số 13/2015/TT-BKHĐT ngày 28/10/2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư ban hành Danh mục lĩnh vực ưu tiên hỗ trợ và tiêu chí lựa chọn đối tượng ưu tiên hỗ trợ của Quỹ phát triển doanh nghiệp nhỏ và vừa; và có Dự án/ Phương án sản xuất - kinh doanh vay vốn để thực hiện đầu tư cơ bản phục vụ sản xuất.

Dự án, phương án sản xuất kinh doanh thuộc mã ngành 10, 11, 13, 14, 15, 16, 17, 18, 19, 20, 21, 22, 23, 24, 25 (trừ 252), 26, 27, 28, 29, 30 (trừ 304), 31, 32 (trừ 321) (theo Quyết định số 10/2007/QĐ-TTg ngày 23/01/2007 của Thủ tướng Chính phủ).

4. Chương trình hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa trong ngành cung cấp nước; hoạt động quản lý và xử lý rác thải, nước thải

Với mục tiêu bảo vệ môi trường nhằm phát triển bền vững, Quỹ Phát triển doanh nghiệp nhỏ và vừa và các Ngân hàng nhận ủy thác triển khai chương trình “**Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa trong ngành cung cấp nước; hoạt động quản lý và xử lý rác thải, nước thải**”.

4.1 Hạn mức chương trình: 100 tỷ

Sau mỗi lần giải ngân, tổng hạn mức chương trình sẽ được giảm tương ứng.

4.2 Thời gian ân hạn trả gốc: Tối đa 24 tháng

4.3 Mức cho vay tối đa: 25 tỷ

4.4 Đối tượng hỗ trợ

- DNNVV hoạt động trên thời gian 2 năm kể từ thời điểm đăng ký kinh doanh, đáp ứng được các tiêu chí bắt buộc quy định tại Điều 6, Thông tư số 13/2015/TT-BKHĐT ngày 28/10/2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư ban hành Danh mục lĩnh vực ưu

tiền hỗ trợ và tiêu chí lựa chọn đối tượng ưu tiên hỗ trợ của Quỹ phát triển doanh nghiệp nhỏ và vừa

- Dự án, phương án sản xuất kinh doanh thuộc mã ngành (theo Quyết định số 10/2007/QĐ-TTg ngày 23/01/2007 của Thủ tướng Chính phủ): 36, 37, 38, 39.

- Dự án/ Phương án sản xuất - kinh doanh vay vốn để thực hiện đầu tư cơ bản.
(Quỹ không hỗ trợ đối với các DNNVV tái chế phế liệu nhập khẩu).

III. TRIỂN KHAI THỰC HIỆN

1. Phạm vi thực hiện chương trình: Toàn quốc.

2. Hiệu lực chương trình:

- Thời gian triển khai: Chương trình được triển khai cho đến hết ngày 31/12/2016, hoặc đến khi hạn mức của chương trình sử dụng hết hoặc khi có thông báo khác của Quỹ về việc thay đổi bổ sung nội dung chương trình, tùy theo điều kiện nào đến trước. Thời hạn Quỹ nhận hồ sơ từ Ngân hàng nhận ủy thác đợt 02 từ ngày 01/10/2016 đến ngày 15/10/2016. Thời gian nhận hồ sơ của các đợt tiếp theo sẽ được Quỹ thông báo trong thời gian tiếp theo (Phụ thuộc vào số lượng hồ sơ đạt yêu cầu của đợt 02).

- Điều kiện, nội dung của chương trình cho vay có thể thay đổi (nếu cần thiết) để phù hợp với Kế hoạch hoạt động của Quỹ tại từng giai đoạn.

3. Phương thức nhận vốn:

- Hai phương thức nhận vốn từ Quỹ gồm: Trực tiếp và bồi hoàn.

- Đối với phương thức nhận vốn bồi hoàn:

+ Điều kiện nhận vốn bồi hoàn: Theo quy định tại Khoản 2 Điều 15 Quy chế ủy thác số 03/QĐ-QDNNVV ngày 27/01/2016 của Hội đồng quản lý Quỹ. Đồng thời, với các văn bản, hồ sơ quy định tại Khoản 2 Điều 16 Quy chế ủy thác số 03/QĐ-QDNNVV ngày 27/01/2016, các ngân hàng nhận ủy thác gửi bản sao y cho Quỹ các văn bản giấy tờ cung cấp thông tin về tình hình giải ngân cho DNNVV gồm có:

- Hồ sơ, tài liệu chứng minh DNNVV đã sử dụng vốn và chứng minh tài sản đã hình thành như: hóa đơn, chứng từ, lệnh chuyển tiền, hợp đồng,...;
- Đối với dự án đầu tư xây dựng công trình của DNNVV đã hoàn thành phải có báo cáo quyết toán giá trị công trình được kiểm toán hoặc được ngân hàng chấp thuận.

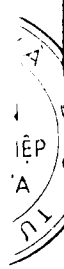
+ Tỷ lệ giải ngân vốn theo phương thức bồi hoàn và phương thức trực tiếp do Cơ quan điều hành Quỹ quyết định.

4. Địa điểm nộp hồ sơ:

Các DNNVV có nhu cầu vay vốn có thể lựa chọn nộp hồ sơ tới chi nhánh của Ngân hàng nhận ủy thác trên toàn quốc hoặc nộp hồ sơ tại Quỹ.

Thông tin cụ thể về Hồ sơ, trình tự, thủ tục nhận hồ sơ của doanh nghiệp được chi tiết tại Phụ lục kèm theo và đăng trên website của Quỹ.

Địa chỉ liên hệ của Quỹ: Quỹ Phát triển Doanh nghiệp nhỏ và vừa, Phòng 1101, Tầng 11, Tòa nhà D25 - Bộ Kế hoạch và Đầu tư, ngõ 7 - Tôn Thất Thuyết, Quận Cầu Giấy, Hà Nội; ĐT: 0437957855, ext 204/205; Website: <http://smedf.gov.vn> /Email: callcenter.smedf@gmail.com



PHỤ LỤC
HƯỚNG DẪN DOANH NGHIỆP

(Kèm theo Công văn số 109/QDNNVV-KH&CS ngày 27/ 9/2016 của Quỹ PTDNNVV)

1. SMEDF là gì?

- a) Quỹ Phát triển Doanh nghiệp nhỏ và vừa (SMEDF) là tổ chức tài chính nhà nước thuộc Bộ Kế hoạch và Đầu tư, được thành lập theo Quyết định số 601/QĐ-TTg ngày 17/04/2013 của Thủ tướng Chính phủ. SMEDF cho vay đối với các doanh nghiệp nhỏ và vừa thông qua phương thức ủy thác cho các Ngân hàng thương mại.
- b) Quỹ ủy thác vốn cho Ngân hàng nhận ủy thác để cho vay hỗ trợ các Doanh nghiệp nhỏ và vừa đủ tiêu chuẩn và đáp ứng các điều kiện quy định tại Điều lệ Quỹ, Thông tư số 13/2015/TT-BKHĐT ngày 28 tháng 10 năm 2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc ban hành Danh mục lĩnh vực ưu tiên hỗ trợ và tiêu chí lựa chọn đối tượng ưu tiên hỗ trợ của Quỹ và các văn bản pháp luật liên quan khác.
- c) Việc Quỹ ủy thác cho các Ngân hàng nhận ủy thác cho vay và thu hồi nợ phải đảm bảo an toàn và hiệu quả, sử dụng đúng mục đích và yêu cầu đặt ra của Quỹ.
- d) Các Ngân hàng nhận ủy thác từ Quỹ thẩm định, quyết định cho vay các dự án, phương án SXKD phù hợp với chính sách, định hướng hỗ trợ Doanh nghiệp nhỏ và vừa của Quỹ trong từng thời kỳ và tự chịu trách nhiệm rủi ro đối với khoản vay cho dự án theo phương án SXKD do Ngân hàng phê duyệt.

2. Những lợi ích mang lại cho doanh nghiệp nhỏ và vừa là gì?

- a) Mức cho vay tối đa: 70% tổng mức vốn đầu tư của dự án, phương án sản xuất – kinh doanh (không bao gồm vốn lưu động), tối đa 30 tỷ đồng.
- b) Loại tiền tệ: VND.
- c) Thời hạn vay: Tối đa 10 năm.
- d) Lãi suất:
 - ❖ Cố định trong suốt thời hạn vay vốn, luôn thấp hơn 90% lãi suất cho vay thương mại;
 - ❖ Lãi suất cho vay vốn ngắn hạn với thời hạn vay vốn dưới 01 (một) năm (không bao gồm vốn lưu động) là 5,5%/năm;
 - ❖ Lãi suất cho vay vốn trung và dài hạn là 7%/năm.

- e) Tài sản bảo đảm: Tối đa bằng 100% giá trị khoản vay. Doanh nghiệp nhỏ và vừa có thể sử dụng tài sản hình thành từ vốn vay làm tài sản bảo đảm.
- f) Phương thức trả nợ: Đa dạng, được thiết kế phù hợp với dòng tiền trả nợ của doanh nghiệp nhỏ và vừa.
- g) Trả nợ trước hạn: Được chủ động trả nợ trước hạn và được miễn phí trả nợ trước hạn.
- h) Được tham gia vào các chương trình tư vấn, đào tạo, kết nối kinh doanh do Quỹ tổ chức.

3. Phương thức cấp vốn của Quỹ

a) Phương thức cấp vốn trực tiếp

❖ Ngân hàng nhận ủy thác thực hiện các thủ tục thẩm định hồ sơ vay vốn của Doanh nghiệp nhỏ và vừa, lập bộ hồ sơ để đề nghị nhận vốn ủy thác từ Quỹ. Sau khi được Quỹ chấp thuận và chuyển vốn, Ngân hàng nhận ủy thác sẽ giải ngân cho Doanh nghiệp nhỏ và vừa.

❖ Điều kiện: Ngày Ngân hàng giải ngân lần đầu cho Doanh nghiệp nhỏ và vừa không được quá 01 tháng kể từ ngày Quỹ và Ngân hàng nhận ủy thác ký Hợp đồng ủy thác.

b) Phương thức cấp vốn bồi hoàn

❖ Ngân hàng thực hiện các thủ tục thẩm định Hồ sơ vay vốn, giải ngân cho Doanh nghiệp nhỏ và vừa. Sau đó Ngân hàng gửi hồ sơ đề nghị nhận vốn từ Quỹ để bù đắp phần vốn Ngân hàng đã cho vay Doanh nghiệp nhỏ và vừa.

❖ Điều kiện: Ngày Ngân hàng nộp bộ hồ sơ đề nghị nhận vốn từ Quỹ không vượt quá 03 tháng tính từ ngày Ngân hàng giải ngân đợt 1 cho Doanh nghiệp nhỏ và vừa.

4. Doanh nghiệp của tôi có đủ điều kiện để tham gia?

a) Loại hình: DN được thành lập và hoạt động theo quy định của Luật Doanh nghiệp, có sở hữu ngoài quốc doanh.

b) Quy mô: Quy mô và khu vực sản xuất, kinh doanh xác định theo Điều 3 Nghị định số 56/2009/NĐ-CP ngày 30/06/2009 của Chính phủ về trợ giúp phát triển doanh nghiệp nhỏ và vừa:

| Quy mô | Doanh nghiệp siêu nhỏ | | Doanh nghiệp nhỏ | | Doanh nghiệp vừa | |
|---------------------------------|-----------------------|----------------------|--------------------------------|------------------------------------|---------------------------------|--|
| | Số lao động | Tổng nguồn vốn | Số lao động | Tổng nguồn vốn | Số lao động | |
| I. Nông, lâm nghiệp và thủy sản | 10 người trở xuống | 20 tỷ đồng trở xuống | từ trên 10 người đến 200 người | từ trên 20 tỷ đồng đến 100 tỷ đồng | từ trên 200 người đến 300 người | |

| | | | | | |
|-----------------------------|--------------------|----------------------|--------------------------------|------------------------------------|---------------------------------|
| II. Công nghiệp và xây dựng | 10 người trở xuống | 20 tỷ đồng trở xuống | từ trên 10 người đến 200 người | từ trên 20 tỷ đồng đến 100 tỷ đồng | từ trên 200 người đến 300 người |
| III. Thương mại và dịch vụ | 10 người trở xuống | 10 tỷ đồng trở xuống | từ trên 10 người đến 50 người | từ trên 10 tỷ đồng đến 50 tỷ đồng | từ trên 50 người đến 100 người |

c) Có dự án, phương án SX-KD khả thi thuộc 01 trong 03 ngành kinh tế sau đây:

- ❖ Nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản;
- ❖ Công nghiệp chế biến, chế tạo;
- ❖ Cung cấp nước; hoạt động quản lý và xử lý rác thải, nước thải.

d) Người quản lý doanh nghiệp có năng lực pháp luật dân sự, năng lực hành vi dân sự đầy đủ.

e) Nguồn vốn chủ sở hữu tham gia dự án, phương án SX-KD tối thiểu bằng 20% tổng vốn đầu tư của dự án, phương án SX-KD.

f) Có khả năng trả nợ trong thời hạn quy định tại Hợp đồng tín dụng đã ký kết.

g) Thực hiện các quy định về đảm bảo tiền vay:

- ❖ Ngân hàng nhận ủy thác được xem xét cho khách hàng vay trên cơ sở có bảo đảm hoặc không có bảo đảm bằng tài sản theo quy định của pháp luật:

- Các khoản vay sẽ không yêu cầu tài sản bảo đảm nếu doanh nghiệp đáp ứng được các điều kiện cho vay không có tài sản bảo đảm theo chính sách tín dụng nội bộ mà Ngân hàng nhận ủy thác đang áp dụng phù hợp với quy định pháp luật hiện hành.

- Doanh nghiệp sử dụng tài sản hiện có để bảo đảm cho khoản vay.

- Doanh nghiệp có thể dùng tài sản hình thành từ vốn vay để bảo đảm cho khoản vay.

- ❖ Yêu cầu về tài sản bảo đảm

- Tỷ trọng tài sản bảo đảm: Ngân hàng nhận ủy thác không được yêu cầu tỷ trọng TSBD vượt quá 100% giá trị khoản vay.

- Cho vay không đủ tài sản bảo đảm: Quỹ đề nghị Ngân hàng xem xét các phương pháp sau đây được coi là bổ sung vào phần tài sản bảo đảm còn thiếu để giảm thiểu rủi ro tín dụng của Doanh nghiệp nhỏ và vừa:

- +) Chứng thư bảo lãnh của tổ chức bảo lãnh tín dụng, tối đa bằng 100% mức vốn hỗ trợ của Quỹ;

- +) Quản lý dòng tiền từ triển khai dự án, phương án SXKD thông qua tài khoản giao dịch của Doanh nghiệp nhỏ và vừa mở tại Ngân hàng;

- +) Bảo hiểm tín dụng (nếu dịch vụ này được cung cấp tại Việt Nam).

h) Quỹ không hỗ trợ các chi phí thuộc dự án, phương án SXKD chi trả cho các hạng mục sau:

- ❖ Chi phí hành chính, tổng hợp;

- ❖ Mua bán đất và các tài sản cố định không phục vụ trực tiếp hoạt động SXKD;

- ❖ Các khoản bồi thường;
- ❖ Các hạng mục, chi phí gián tiếp khác theo quy định của pháp luật về tài chính, kế toán.

5. Khoản vay nào sẽ được SMEDF ưu tiên hỗ trợ?

a) SMEDF ưu tiên cho vay nếu doanh nghiệp nhỏ và vừa có dự án, phương án sản xuất – kinh doanh đáp ứng ít nhất một trong các tiêu chí ưu tiên lựa chọn đối tượng hỗ trợ của Quỹ được quy định cụ thể tại Điều 7 và Phụ lục 1 của Thông tư số 13/2015/TT-BKHĐT ngày 28 tháng 10 năm 2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc ban hành Danh mục lĩnh vực ưu tiên hỗ trợ và tiêu chí lựa chọn đối tượng ưu tiên hỗ trợ của Quỹ (Các tiêu chí ưu tiên hỗ trợ của Quỹ được đính kèm tại Hướng dẫn này).

b) Trình tự xét duyệt hồ sơ:

- ❖ Trong trường hợp tại thời điểm nhận hồ sơ của Quỹ có nhiều hồ sơ được gửi tới, Quỹ ưu tiên hỗ trợ Doanh nghiệp nhỏ và vừa có tổng điểm tại Bảng chấm điểm các tiêu chí lựa chọn ưu tiên theo thứ tự từ cao đến thấp.
- ❖ Trường hợp Doanh nghiệp nhỏ và vừa đạt đủ tiêu chí cho vay của Quỹ, nhưng nguồn vốn của Quỹ không còn đủ, Quỹ sẽ tiến hành lưu hồ sơ của Doanh nghiệp để xem xét hỗ trợ ở giai đoạn tiếp theo.

6. Doanh nghiệp nhỏ và vừa cần làm gì nếu muốn tham gia nhận nguồn vốn hỗ trợ từ Quỹ Phát triển doanh nghiệp nhỏ và vừa?

Doanh nghiệp nhỏ và vừa có thể lựa chọn một trong hai phương thức sau:

a) Doanh nghiệp nhỏ và vừa nộp hồ sơ xin vay vốn tới Quỹ, Doanh nghiệp nhỏ và vừa cần chuẩn bị một bộ hồ sơ cơ bản gồm có:

-> Hồ sơ theo quy định tại Quy chế ủy thác số 03/QĐ-QDNNVV ngày 27/01/2016 của Hội đồng quản lý Quỹ

❖ Hồ sơ pháp lý:

- Điều lệ Doanh nghiệp nhỏ và vừa;
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.

❖ Giấy đăng ký tham gia nhận nguồn vốn hỗ trợ từ Quỹ của Doanh nghiệp nhỏ và vừa (được cung cấp trên Website của Quỹ).

-> Hồ sơ cung cấp thông tin bổ sung về tình hình tài của DNNVV

❖ Bảng cân đối kế toán tại báo cáo tài chính năm gần nhất của doanh nghiệp.

Lưu ý: Sau khi tiếp nhận bộ hồ sơ của Doanh nghiệp nhỏ và vừa, trong vòng 03 ngày làm việc tiếp theo, Quỹ Phát triển doanh nghiệp nhỏ và vừa sẽ kiểm tra sự phù hợp của lĩnh vực đầu tư, kinh doanh của doanh nghiệp với danh mục lĩnh vực ưu tiên hỗ trợ của Quỹ. Nếu phù hợp, Quỹ có thông báo bằng văn bản hoặc email, tin nhắn gửi tới Doanh nghiệp nhỏ và vừa, trong đó có bao gồm danh sách các Ngân hàng nhận ủy

thác của Quỹ. Sau đó, Doanh nghiệp nhỏ và vừa có thể tới các Ngân hàng trên để nộp một bộ hồ sơ cơ bản như bộ hồ sơ gửi trực tiếp đến Quỹ và tiếp tục hoàn thiện hồ sơ theo như chỉ dẫn của Ngân hàng nhận ủy thác. Nếu không phù hợp, Quỹ có thông báo bằng văn bản hoặc email, tin nhắn về việc từ chối hỗ trợ Doanh nghiệp nhỏ và vừa.

b) Doanh nghiệp nhỏ và vừa nộp hồ sơ xin vay vốn tới Ngân hàng nhận ủy thác, Doanh nghiệp nhỏ và vừa cần chuẩn bị một bộ hồ sơ cơ bản gồm có:

(i) Giấy đề nghị tín dụng theo mẫu của Ngân hàng (01 Bản gốc);

(ii) Hồ sơ pháp lý của doanh nghiệp;

(iii) Hồ sơ về tình hình tài chính của doanh nghiệp;

(iv) Hồ sơ về dự án, phương án tín dụng;

(v) Hồ sơ bảo đảm tiền vay/nghĩa vụ bảo lãnh.

(vi) Các văn bản chứng minh Doanh nghiệp nhỏ và vừa đạt các tiêu chí ưu tiên hỗ trợ của Quỹ được quy định cụ thể tại Điều 7 và Phụ lục 1 của Thông tư số 13/2015/TT-BKHĐT ngày 28 tháng 10 năm 2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc ban hành Danh mục lĩnh vực ưu tiên hỗ trợ và tiêu chí lựa chọn đối tượng ưu tiên hỗ trợ của Quỹ (Các tiêu chí ưu tiên hỗ trợ của Quỹ được đính kèm tại Hướng dẫn này).

Danh mục hồ sơ cụ thể chi tiết tại website của Quỹ Phát triển doanh nghiệp nhỏ và vừa hoặc Ngân hàng nhận ủy thác.

Lưu ý: Trường hợp Doanh nghiệp nhỏ và vừa bị Ngân hàng nhận ủy thác từ chối cho vay, Doanh nghiệp nhỏ và vừa vẫn có quyền nộp hồ sơ vay vốn tới Quỹ để đề xuất vay vốn tại Ngân hàng nhận ủy thác khác.

6. Các Ngân hàng nhận ủy thác của Quỹ

- ❖ Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam;
- ❖ Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam;
- ❖ Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh.

7. Địa chỉ liên hệ của Quỹ

Để nhận được hướng dẫn cụ thể về khoản vay hỗ trợ từ SMEDF, xin vui lòng liên hệ theo địa chỉ sau: Phòng 1101, Tầng 11, Tòa nhà D25 – Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Ngõ 7 - Tôn Thất Thuyết, Quận Cầu Giấy, Hà Nội ĐT: 0437957855

Website: <http://smedf.gov.vn>

“Các thông tin trên có thể được thay đổi tùy từng thời điểm bởi Cơ quan điều hành SMEDF”

**BẢNG CHẤM ĐIỂM TIÊU CHÍ ƯU TIÊN LỰA CHỌN ĐỐI TƯỢNG HỖ TRỢ
CỦA QUỸ PHÁT TRIỂN DOANH NGHIỆP NHỎ VÀ VỪA**

| Tiêu chí | Tổng điểm tối đa |
|---|-------------------------|
| 1. Sản phẩm đầu ra (20 điểm) | |
| <p>Sản xuất sản phẩm chất lượng cao, vật liệu mới, năng lượng mới.</p> <p><i>Doanh nghiệp có thuyết minh/ chứng nhận về sản xuất sản phẩm chất lượng cao, vật liệu mới, năng lượng mới trong dự án, phương án sản xuất, kinh doanh</i></p> <p>20 nếu “Có”; 0 nếu “Không”.</p> | ---/20 |
| 2. Tính đổi mới (20 điểm) | |
| <p>Đổi mới trang thiết bị kỹ thuật làm tăng năng suất lao động; chế tạo, sử dụng công nghệ mới, công nghệ cao.</p> <p><i>Doanh nghiệp có thuyết minh/ chứng nhận về đổi mới trang thiết bị kỹ thuật, sử dụng công nghệ mới, công nghệ cao trong dự án, phương án sản xuất, kinh doanh.</i></p> <p>20 nếu “Có”; 0 nếu “Không”.</p> | ---/20 |
| 3. Năng lực quản trị điều hành của doanh nghiệp (20 điểm) | |
| <p>Năng lực, kinh nghiệm quản trị điều hành của người quản lý doanh nghiệp;</p> <p><i>Có ít nhất một thành viên của Ban giám đốc có 03 năm kinh nghiệm làm việc trở lên trong lĩnh vực có liên quan đến dự án đề xuất hoặc có 03 năm kinh nghiệm trở lên về quản lý doanh nghiệp.</i></p> <p>10 nếu “Có”; 0 nếu “Không”.</p> | ---/10 |
| <p>Lịch sử uy tín tín dụng của doanh nghiệp.</p> <p><i>Doanh nghiệp không có nợ nhóm 2 trở lên trong 12 tháng gần nhất tính tới thời điểm xét duyệt hồ sơ và không có nợ nhóm 3 trở lên trong 36 tháng gần nhất tính tới thời điểm xét duyệt hồ sơ.</i></p> <p>10 nếu “Có”; 0 nếu “Không”.</p> | ---/10 |
| 4. Tạo việc làm và yếu tố về giới (tối đa 20 điểm) | |
| <p>Dự án, phương án sản xuất kinh doanh tạo nhiều việc làm</p> | ---/15 |

| | |
|--|-----------------|
| <p>môi;</p> <p>0 điểm nếu số việc làm dự án tạo thêm nhỏ hơn 50 việc làm;</p> <p>5 điểm nếu số việc làm dự án tạo thêm từ 50 đến 100 việc làm;</p> <p>10 điểm nếu số việc làm dự án tạo thêm từ 100 đến 150 việc làm;</p> <p>15 điểm nếu số việc làm dự án tạo thêm lớn hơn 150 việc làm.</p> | |
| <p>Dự án, phương án sản xuất kinh doanh sử dụng nhiều lao động nữ.</p> <p>5 nếu doanh nghiệp có tỉ lệ lao động nữ lớn hơn hoặc bằng 50%;</p> <p>0 nếu doanh nghiệp có tỉ lệ lao động nữ nhỏ hơn 50%.</p> | ---/5 |
| 5. Môi trường (20 điểm) | |
| <p>Dự án, phương án sản xuất sản phẩm tiết kiệm năng lượng, thân thiện với môi trường hoặc sản phẩm sử dụng trong lĩnh vực bảo vệ môi trường;</p> <p>Doanh nghiệp có thuyết minh/chứng nhận về sản phẩm đáp ứng tiêu chí là sản phẩm tiết kiệm năng lượng, thân thiện với môi trường hoặc sản phẩm sử dụng trong lĩnh vực bảo vệ môi trường theo quy định pháp luật hiện hành;</p> <p>10 nếu “Có”; 0 nếu “Không”.</p> | ---/10 |
| <p>Dự án, phương án sản xuất hoặc sử dụng công nghệ sạch, năng lượng sạch, năng lượng tái tạo; hoạt động sản xuất tiêu hao ít năng lượng, phát thải thấp, đáp ứng quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường và có giải pháp bảo vệ môi trường bền vững.</p> <p>Doanh nghiệp có thuyết minh/chứng nhận việc sản xuất/sử dụng công nghệ sạch, năng lượng sạch, năng lượng tái tạo; hoặc có thuyết minh/ chứng nhận hoạt động sản xuất tiêu hao ít năng lượng, phát thải thấp, đáp ứng quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường và có giải pháp bảo vệ môi trường bền vững.</p> <p>10 nếu “Có”; 0 nếu “Không”.</p> | ---/10 |
| Tổng điểm | ----/100 |